

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Số: 440/CV-NSBG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Mã chứng khoán: BGW

Địa chỉ: Số 386 đường Xương Giang, P. Bắc Giang, T. Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại liên hệ: 02043 855 757

Email: capnuocbg@gmail.com – Website: bacgiangwsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC bán niên 2026 đã được soát xét.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng;

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: .12../08/2026 tại đường dẫn:

<https://bacgiangwsc.com.vn/category/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT,TV./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 2026 đã soát xét;
- Văn bản giải trình tăng LNST;
- Văn bản giải trình vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán viên;

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT *Phạm*



Hướng Xuân Công

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
6. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11 - 36
7. Phụ lục số 01 - Tài sản cố định hữu hình	37
8. Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	38



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép Công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 11 năm 2015. Ngày 20 tháng 08 năm 2025, Công ty được Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty đang niêm yết tại sàn UPCOM với mã chứng khoán là BGW.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại : 02043.855757
- Mã số thuế : 2400126106

Công ty có đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc sau: Xí nghiệp Xây lắp – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang thành lập ngày 21 tháng 07 năm 2023, địa chỉ: Số 352, đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, xây dựng.

4. Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT	25/04/2026	-
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên	25/04/2026	-
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Thành viên	25/04/2026	-
Ông Bùi Thế Bình	Thành viên	25/04/2026	-
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	25/04/2026	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên	21/04/2021	25/04/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	25/04/2026	-
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên	25/04/2026	-
Bà Phạm Thị Anh	Thành viên	25/04/2026	-
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên	21/04/2021	25/04/2026
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	14/04/2024	25/04/2026

4.3. Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc	01/05/2022	-
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Phó Giám đốc	01/06/2022	-
Ông Bùi Thế Bình	Phó Giám đốc	01/06/2022	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	01/06/2022	-

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hương Xuân Công – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo Thông tư 99/2025/TT- BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



HƯỚNG XUÂN CÔNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bắc Ninh, Ngày 12 tháng 8 năm 2026.



Số 120808/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

3175
IG TY
EM HUU
VA TU
N VIET
HO CH

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến:

Thuyết minh V.15 và V.18a về chi phí phải trả trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, trong đó việc tạm trích khấu hao TSCĐ hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh), có mô tả như sau:

Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh) với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo Thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam) bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang nay là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam) cho đơn vị về dự án trên, vì vậy đơn vị đã tạm trích khấu hao cho Dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Ninh (trước đây là tỉnh Bắc Giang) đến ngày 30/06/2026 với tổng số tiền đã tạm trích là 17.650.328.563 đồng. Hiện tại Công ty đang theo dõi tài sản nhận giữ hộ của các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính, chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 0351 -2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.734.748.712	104.135.014.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.867.071.738	83.571.584.677
1. Tiền	111		7.658.575.453	7.324.720.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.208.496.285	76.246.864.059
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.311.109.300	3.180.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	49.311.109.300	3.180.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.094.594.368	8.947.883.171
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.131.205.647	3.608.511.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.063.608.600	2.781.114.854
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	5.102.027.121	2.760.503.537
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(202.247.000)	(202.247.000)
IV. Hàng tồn kho	140		11.461.973.306	8.435.546.288
1. Hàng tồn kho	141	V.7	11.461.973.306	8.435.546.288
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		-	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.843.752.658	138.871.533.778
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.990.755.306	5.321.007.075
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	3.990.755.306	5.321.007.075
II. Tài sản cố định	220		123.846.205.372	104.003.276.227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	123.506.205.372	103.623.276.227
- Nguyên giá	222		391.657.867.617	365.211.361.543
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(268.151.662.245)	(261.588.085.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	340.000.000	380.000.000
- Nguyên giá	228		979.777.977	979.777.977
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(639.777.977)	(599.777.977)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		2.904.437.555	26.916.856.168
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	2.904.437.555	26.916.856.168
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		3.102.354.425	2.630.394.308
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11	3.102.354.425	2.630.394.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		234.578.501.370	243.006.547.914

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		42.515.617.476	45.912.862.812
I. Nợ ngắn hạn	310		42.515.617.476	45.912.862.812
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.472.120.960	5.089.780.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.000.000	3.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	3.327.022.634	3.490.473.498
4. Phải trả người lao động	315	V.14	8.781.710.550	13.654.451.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	22.242.060.014	21.569.513.677
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		414.880.000	345.810.700
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	1.252.823.318	1.759.833.318
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.062.883.894	197.093.685.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	181.494.460.205	181.494.460.205
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		181.494.460.205	181.494.460.205
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		881.673.248	881.673.248
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.686.750.441	14.717.551.649
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		16.500.389	7.419.929
- LNST chưa phân phối năm nay	420b		9.670.250.052	14.710.131.720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		234.578.501.370	243.006.547.914

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



TRẦN ĐỨC THANH



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HUƠNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.183.839.471	95.921.141.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	46.330.959	4.531.945
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.137.508.512	95.916.609.892
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	57.871.876.067	57.735.443.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.265.632.445	38.181.165.998
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	1.769.178.226	623.264.644
8. Chi phí tài chính	23		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.269.867.409	20.537.125.353
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.132.006.468	10.174.379.898
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.632.936.794	8.092.925.391
12. Thu nhập khác	31	VI.7	811.863.669	671.292.871
13. Chi phí khác	32		29.883.539	18.353
14. Lợi nhuận khác	40		781.980.130	671.274.518
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.414.916.924	8.764.199.909
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.744.666.872	1.758.243.652
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.670.250.052	7.005.956.257
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	480	347
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	480	347

Người lập biểu

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2026



HƯƠNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		111.020.620.735	102.697.361.966
2. Tiền chi trả cho người cung cấp năng lượng, dịch vụ	02		(55.800.104.385)	(49.639.752.108)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(31.351.828.450)	(28.949.452.800)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(3.101.702.942)	(1.763.767.890)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.053.180.811	1.954.542.942
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.802.854.488)	(15.987.584.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.017.311.281	8.311.347.113
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.740.885.885)	(3.364.741.447)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(48.757.109.300)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	3.104.712.329	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	1.196.023.167	621.716.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46.197.259.689)	(2.743.024.612)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(14.524.564.531)	(10.220.989.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.524.564.531)	(10.220.989.855)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(57.704.512.939)	(4.652.667.354)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	83.571.584.677	56.679.997.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	25.867.071.738	52.027.330.547

Người lập biểu



TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép Công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 11 năm 2015. Ngày 20 tháng 08 năm 2025, Công ty được Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư.

Vốn điều lệ: 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm hoạt động nào của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc sau: Xí nghiệp Xây lắp – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang thành lập ngày 21 tháng 07 năm 2023, địa chỉ: Số 352, đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 254 nhân viên đang làm việc (Đầu năm là 260 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.22) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Trong kỳ, Công ty không thay đổi đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán so với kỳ trước.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng/ hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi có bằng chứng khách quan cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể bị tổn thất, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính/doanh thu tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

5. Hàng tồn kho

• Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thể chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc các chi phí trực tiếp khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

• Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

• Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 30 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty có quyền sử dụng đất hợp pháp và xác định được nguyên giá một cách đáng tin cậy. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm các khoản chi phí thực tế liên quan trực tiếp như: tiền trả để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và lệ phí trước bạ (nếu có).

Việc khấu hao quyền sử dụng đất được thực hiện như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến phần mềm máy tính được vốn hóa khi phần mềm đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình và không gắn liền với phần cứng.

Nguyên giá phần mềm máy tính bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh để đưa phần mềm vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chi các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

10. Phải trả người bán và chi phí phải trả

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cổ đông, thành viên góp vốn về cổ tức, lợi nhuận đã được phê duyệt phân phối nhưng chưa thanh toán. Khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty không còn quyền từ chối nghĩa vụ chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản với các nhà cung cấp là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác. Khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn thanh toán;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận phù hợp với doanh thu của giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý, điều hành chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**22. Số liệu so sánh**

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành. Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước/ Kỳ này theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay/ Kỳ trước được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
	Tài sản			
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	3.180.000.000	180.000.000
135	Phải thu ngắn hạn khác	2.940.503.537	2.760.503.537	(180.000.000)
	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	102.688.814.157	102.697.361.966	8.547.809
27	Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	630.264.644	621.716.835	(8.547.809)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (ĐV TÍNH: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1.1	Tiền mặt	279.894.483	622.439.114
1.2	Tiền gửi ngân hàng	7.378.680.970	6.702.281.504
1.3	Các khoản tương đương tiền	18.208.496.285	76.246.864.059
	Cộng	25.867.071.738	83.571.584.677

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**1.2 Tiền gửi ngân hàng**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam	7.378.680.970	6.702.281.504
1.2.1	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	2.669.246.170	2.276.436.123
1.2.2	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	1.890.301.302	868.110.673
1.2.3	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	1.381.853.937	918.488.285
1.2.4	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Giang	1.088.543.231	2.127.657.690
1.2.5	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	334.100.523	437.695.813
1.2.6	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN – CN BG	13.630.343	73.246.604
1.2.7	Ngân hàng Hợp tác xã VN – CN Bắc Giang	1.005.464	646.316
Tổng cộng		7.378.680.970	6.702.281.504

*Không có khoản tiền gửi nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.***1.3 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	7.895.108.874	22.293.091.703
1.3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	3.531.630.610	-
1.3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	3.089.443.255	26.543.822.226
1.3.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang	2.169.718.006	2.063.339.827
1.3.5	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	1.522.595.540	4.147.361.900
1.3.6	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	-	16.589.142.079
1.3.7	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank – Chi nhánh Yên Dũng	-	2.228.492.200
1.3.8	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng MSB	-	2.381.614.124
Tổng cộng		18.208.496.285	76.246.864.059

Không có khoản tiền gửi nào bị phong tỏa hay đem đi cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

2. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Chi tiêu	Cuối kỳ				Đầu năm			
	Giá trị ghi sổ			Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ		Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng		Giá gốc	Lãi dự thu	Cộng	
+ Tiền gửi có kỳ hạn	48.757.109.300	554.000.000	49.311.109.300	-	3.000.000.000	180.000.000	3.180.000.000	-
Ngân hàng Vietinbank	14.000.000.000	175.000.000	14.175.000.000	-	-	39.000.000	39.000.000	-
Ngân hàng Vietcombank	14.000.000.000	146.000.000	14.146.000.000	-	-	35.000.000	35.000.000	-
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	9.000.000.000	92.000.000	9.092.000.000	-	-	-	-	-
Ngân hàng Agribank	5.000.000.000	63.000.000	5.063.000.000	-	-	-	-	-
Ngân hàng BIDV	4.500.000.000	49.000.000	4.549.000.000	-	-	-	-	-
Ngân hàng Agribank – CN Yên Dũng	2.257.109.300	29.000.000	2.286.109.300	-	-	12.000.000	12.000.000	-
Ngân hàng MSB	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000	3.003.000.000	-
Ngân hàng Techcombank	-	-	-	-	-	91.000.000	91.000.000	-
Cộng	48.757.109.300	554.000.000	49.311.109.300	-	3.000.000.000	180.000.000	3.180.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	6.131.205.647	202.247.000	3.608.511.780	202.247.000
- Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000	202.247.000	202.247.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.928.958.647	-	3.406.264.780	-
Cộng	6.131.205.647	202.247.000	3.608.511.780	202.247.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Trả trước cho các đối tượng khác</i>	3.063.608.600	-	2.781.114.854	-
- Công ty CP Đầu tư XD-XNK TH Minh Ngọc (*)	2.600.000.000	-	2.600.000.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Tự động HTD	239.850.000	-	-	-
- Các khoản trả trước khác	223.758.600	-	181.114.854	-
Cộng	3.063.608.600	-	2.781.114.854	-

(*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện Dự án Nhà máy nước số 2.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.102.027.121	-	2.760.503.537	-
Tạm ứng (1)	50.000.000	-	40.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (2)	5.052.027.121	-	2.720.503.537	-
Cộng	5.102.027.121	-	2.760.503.537	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**(1) Tạm ứng:**

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng cho các bên liên quan	-	-
Tạm ứng cho các đối tượng khác	50.000.000	40.000.000
Lương Thị Cúc	10.000.000	10.000.000
Vũ Đình Đức	18.000.000	8.000.000
Đối tượng khác	22.000.000	22.000.000
Cộng	50.000.000	40.000.000

(2) Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu đối tượng khác	5.052.027.121	2.720.503.537
Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	3.990.755.306	2.660.503.537
Phải thu về thuế TNCN	991.271.815	-
Đối tượng khác	70.000.000	60.000.000
Cộng	5.052.027.121	2.720.503.537

5b. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.990.755.306	-	5.321.007.075	-
Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	3.990.755.306	-	5.321.007.075	-
Cộng	3.990.755.306	-	5.321.007.075	-

6. Nợ xấu

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác	202.247.000	-	202.247.000	202.247.000	-	202.247.000
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	-	202.247.000	202.247.000	-	202.247.000
Cộng	202.247.000	-	202.247.000	202.247.000	-	202.247.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, khó đòi như sau:

	Nợ phải thu	Cộng
Đầu năm	(202.247.000)	(202.247.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cuối kỳ	(202.247.000)	(202.247.000)

7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	11.461.973.306	-	7.559.734.196	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	875.812.092	-
Cộng	11.461.973.306	-	8.435.546.288	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các loại vật tư của ngành nước như các loại ống, đồng hồ, hóa chất,....

Tại thời điểm cuối kỳ:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật,... không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ;

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả.

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết Phụ lục 01

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	519.777.977	460.000.000	979.777.977
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	519.777.977	460.000.000	979.777.977
Trong đó: TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	519.777.977	60.000.000	579.777.977
II. Giá trị hao mòn			-
1. Giá trị hao mòn đầu năm	519.777.977	80.000.000	599.777.977
2. Tăng trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối kỳ	519.777.977	120.000.000	639.777.977
III. Giá trị còn lại			-
1. Tại ngày đầu năm	-	380.000.000	380.000.000
2. Tại ngày cuối kỳ	-	340.000.000	340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình Trụ sở làm việc	585.407.001	138.026.006	-	723.433.007
Công trình Hệ thống cấp nước sạch cho xã Tam Dị và xã Tiên Nha huyện Lục Nam	23.825.905.158	400.481.292	(24.226.386.450)	-
Các công trình khác	2.505.544.009	578.249.126	(902.788.587)	2.181.004.548
Cộng	26.916.856.168	1.116.756.424	(25.129.175.037)	2.904.437.555

11. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.907.354.813	2.483.654.245
Chi phí sửa chữa TSCĐ	194.999.612	146.740.063
Cộng	3.102.354.425	2.630.394.308

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Đầu năm	2.630.394.308	2.674.182.243
Tăng trong kỳ	3.574.314.545	2.925.037.756
Phân bổ trong kỳ	(3.102.354.428)	(2.801.410.001)
Cuối kỳ	3.102.354.425	2.797.809.998

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.472.120.960	5.089.780.019
Công ty TNHH đầu tư hạ tầng nước DNP Bắc Giang	5.862.616.000	4.327.441.502
Công ty CP cơ điện tử Minh Khang	223.624.800	344.959.992
Các nhà cung cấp khác	385.880.160	417.378.525
Cộng	6.472.120.960	5.089.780.019

Trong đó không có khoản nợ nào bị quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	175.394.601	-	1.676.792.860	(1.811.049.026)	41.138.435	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.134.074.584	-	2.744.666.872	(3.101.702.942)	1.777.038.514	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.364.935	-	1.207.539.269	(1.215.569.099)	10.335.105	-
Thuế tài nguyên	32.326.163	-	192.196.277	(186.129.677)	38.392.763	-
Phí nước thải SH	1.130.313.215	-	7.621.659.958	(7.291.855.356)	1.460.117.817	-
Thuế, phí khác	-	-	158.346.385	(158.346.385)	-	-
Cộng	3.490.473.498	-	13.601.201.621	(13.764.652.485)	3.327.022.634	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 8%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%, thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.414.916.924	8.764.199.909
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.308.417.438	27.018.353
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	13.723.334.362	8.791.218.262
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	13.723.334.362	8.791.218.262
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.744.666.872	1.758.243.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	2.744.666.872	1.758.243.652
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.744.666.872	1.758.243.652

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 3.750 đồng/m³. Thuế suất thuế tài nguyên là 1%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền lương, thưởng phải trả	8.781.710.550	13.654.451.600
Cộng	8.781.710.550	13.654.451.600

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.242.060.014	21.569.513.677
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam (*)	17.650.328.563	16.368.461.125
Trích chi phí cho Dự án Nhà máy nước số 2	3.349.968.000	3.349.968.000
Chi phí phải trả khác	1.241.763.451	1.851.084.552
Cộng	22.242.060.014	21.569.513.677

(*) Theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh) với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo Thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam) bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang nay là Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam) cho đơn vị về dự án trên, vì vậy đơn vị đã tạm trích khấu hao cho Dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Ninh (trước đây là tỉnh Bắc Giang) đến ngày 30/06/2026 với tổng số tiền đã tạm trích là 17.650.328.563 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Đầu năm	1.759.833.318	1.465.797.238
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Tăng khác	188.440.000	119.270.000
Chi quỹ	(695.450.000)	(607.410.000)
Cuối kỳ	<u>1.252.823.318</u>	<u>977.657.238</u>

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chủ sở hữu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	51%	92.562.490.205	51%	92.562.490.205
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	24,99%	45.355.000.000	24,99%	45.355.000.000
Hướng Xuân Công	1,24%	2.250.000.000	1,24%	2.250.000.000
Trần Đăng Điều	0,55%	1.001.000.000	0,55%	1.001.000.000
Đối tượng khác	22,22%	40.325.970.000	22,22%	40.325.970.000
Cộng	100%	181.494.460.205	100%	181.494.460.205

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	14.701.051.260	10.345.184.220

d. Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu phổ thông	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu phổ thông	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 20/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 25 tháng 04 năm 2026 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông : VND 14.701.051.260

18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

a. Tài sản nhận giữ hộ

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
Hệ thống cấp nước thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	39.442.075.000	39.442.075.000
Cộng	39.442.075.000	39.442.075.000

Hệ thống cấp nước thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh) là hệ thống bàn giao quản lý trước khi cổ phần hóa, và đang chờ hướng xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam (nay là xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh) với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐV TÍNH: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang (cũ)	94.192.028.294	89.743.913.904
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	4.633.134.229	4.178.153.699
Doanh thu xây lắp	1.343.826.948	1.999.074.234
Doanh thu phí duy trì đồng hồ	14.850.000	-
Cộng	100.183.839.471	95.921.141.837

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	46.330.959	4.531.945
Cộng	46.330.959	4.531.945

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang (cũ)	52.348.223.304	53.543.145.835
Giá vốn bán nước xí nghiệp cấp nước Lục Nam	3.340.860.391	1.923.942.869
Giá vốn xây lắp	2.182.792.372	2.268.355.190
Cộng	57.871.876.067	57.735.443.894

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	1.769.178.226	623.264.644
Cộng	1.769.178.226	623.264.644

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.817.595.084	15.429.020.479
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.594.901	64.284.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.091.129.664	3.944.851.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	914.161.704	760.440.972
Các chi phí bằng tiền khác	353.386.056	338.527.733
Cộng	21.269.867.409	20.537.125.353

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.851.111.854	7.691.156.123
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.370.608	130.156.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.220.726	132.244.326
Thuế, phí và lệ phí	16.139.580	39.661.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	649.176.032	775.466.472
Các chi phí bằng tiền khác	1.333.987.668	1.405.694.767
Cộng	11.132.006.468	10.174.379.898

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu 10% (phí TN được giữ lại)	769.864.641	612.084.071
Thu nhập khác	41.999.028	59.208.800
Cộng	811.863.669	671.292.871

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.670.250.052	7.005.956.257
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(967.025.005)	(700.595.626)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.703.225.047	6.305.360.631
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.149.446	18.149.446
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	347

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐTN-NSBG ngày 25 tháng 04 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.149.446	18.149.446

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)**8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.703.225.047	6.305.360.631
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.703.225.047	6.305.360.631
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	480	347

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.149.446	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.214.096.572	12.796.127.207
Chi phí nhân công	33.783.535.633	31.443.186.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.998.634.691	7.110.809.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.793.094	2.383.895.842
Chi phí khác	35.363.689.954	34.712.930.417
Cộng	90.273.749.944	88.446.949.145

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐV TÍNH: VND)**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong kỳ cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này				
		Lương	Thưởng, phụ cấp	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT	266.200.000	17.272.000	-	190.350.000	473.822.000
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc	229.900.000	17.272.000	18.000.000	81.081.000	346.253.000
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Phó Giám đốc	178.099.727	16.242.000	18.000.000	64.314.000	276.655.727
Ông Bùi Thế Bình	Phó Giám đốc	185.100.000	17.272.000	6.000.000	65.529.000	273.901.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	159.136.091	16.502.000	12.000.000	89.100.000	276.738.091
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	113.700.000	18.596.000	12.000.000	28.350.000	172.646.000
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên BKS	70.795.000	21.338.000	6.000.000	32.400.000	130.533.000
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên BKS	19.020.000	5.860.000	3.000.000	7.776.000	35.656.000
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Bà Phạm Thị Anh	Thành viên BKS	-	-	2.700.000	-	2.700.000
Ông Trịnh Kiên	Thành viên BKS	-	-	5.850.000	-	5.850.000
Tổng		1.221.950.818	130.354.000	101.550.000	558.900.000	2.012.754.818

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ trước				
		Lương	Thưởng, phụ cấp	Thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT	262.100.000	23.870.000	-	133.950.000	419.920.000
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc	221.427.000	23.616.000	18.000.000	57.057.000	320.100.000
Ông Bùi Vĩnh Bắc	Phó Giám đốc	178.800.000	22.872.000	18.000.000	44.289.000	263.961.000
Ông Bùi Thế Bình	Phó Giám đốc	178.900.000	22.822.000	-	46.113.000	247.835.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	155.700.000	23.822.000	18.000.000	54.720.000	252.242.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	103.100.000	24.012.000	12.000.000	19.950.000	159.062.000
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên BKS	98.200.000	22.952.000	9.000.000	22.800.000	152.952.000
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Ông Trịnh Kiên	Thành viên BKS	-	-	9.000.000	-	9.000.000
Tổng		1.198.227.000	163.966.000	102.000.000	378.879.000	1.843.072.000

Cam kết bảo lãnh

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho để bảo đảm cho khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Ông Nguyễn Trọng Hiếu là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco.
	Bà Phạm Thị Anh là Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đồng thời là Giám đốc vận hành của Công ty Cổ phần DNP Hawaco.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ kế toán, Công ty không phát sinh giao dịch nào với các bên liên quan khác ngoài giao dịch chi trả cổ tức năm 2025.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để đảm bảo cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	68.655.622.929	74.388.433.693	222.167.304.921	365.211.361.543
2. Tăng trong kỳ	-	839.404.926	25.607.101.148	26.446.506.074
- Tăng do mua mới	-	839.404.926	477.926.111	1.317.331.037
- Tăng do XD B noãn thành	-	-	25.129.175.037	25.129.175.037
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	68.655.622.929	75.227.838.619	247.774.406.069	391.657.867.617
- Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	62.195.229.621	47.715.823.932	100.319.653.992	210.230.707.545
II. Giá trị hao mòn				
1. Giá trị hao mòn đầu năm	65.142.651.086	62.441.085.531	134.004.348.699	261.588.085.316
2. Tăng trong kỳ	323.019.665	1.812.177.191	4.428.380.073	6.563.576.929
Khấu hao trong kỳ	323.019.665	1.812.177.191	3.541.570.396	5.676.767.232
Tăng khác	-	-	886.809.677	886.809.677
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối kỳ	65.465.670.751	64.253.262.722	138.432.728.772	268.151.662.245
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	3.512.971.843	11.947.348.162	88.162.956.222	103.623.276.227
2. Tại ngày cuối kỳ	3.189.952.178	10.974.575.897	109.341.677.297	123.506.205.372

Trong đó: Đơn vị không đem tài sản cố định nào mang đi cầm cố, thế chấp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



TRẦN ĐỨC THANH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

HUƠNG XUÂN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	181.494.460.205	881.673.248	10.352.604.149	192.728.737.602
Tăng trong kỳ trước	-	-	7.005.956.257	7.005.956.257
+ Lãi trong kỳ trước	-	-	7.005.956.257	7.005.956.257
Giảm trong kỳ trước	-	-	(10.345.184.220)	(10.345.184.220)
+ Trả cổ tức năm 2024	-	-	(10.345.184.220)	(10.345.184.220)
Số dư tại ngày 30/06/2025	181.494.460.205	881.673.248	7.013.376.186	189.389.509.639
Số dư tại ngày 01/01/2026	181.494.460.205	881.673.248	14.717.551.649	197.093.685.102
Tăng trong kỳ này	-	-	9.670.250.052	9.670.250.052
+ Lãi trong kỳ này	-	-	9.670.250.052	9.670.250.052
Giảm trong kỳ này	-	-	(14.701.051.260)	(14.701.051.260)
+ Trả cổ tức năm 2025	-	-	(14.701.051.260)	(14.701.051.260)
Số dư tại ngày 30/06/2026	181.494.460.205	881.673.248	9.686.750.441	192.062.883.894

Người lập biểu

Phan

TRẦN ĐỨC THANH

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Thảo

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



HUỖNG XUÂN CÔNG